

## BÀN VỀ NGÔN TỪ

*N*ăm 1989, Havel được Hiệp hội những người phát hành sách ở Đức trao tặng Giải thưởng Hòa Bình. Giải thưởng được trao kiêm diện tại Hội chợ sách ở Frankfurt vào ngày 15 tháng 10 năm 1989. Đây là bài diễn văn do Maximilian Schell<sup>1</sup> đọc thay cho Havel vì ông không thể có mặt tại buổi trao giải.

Thưa các bạn,

Giải thưởng mà tôi vinh dự nhận ngày hôm nay được gọi là Giải thưởng Hòa bình do những người phát hành sách – nói cách khác, là những người phổ biến ngôn từ – trao tặng. Có lẽ điều đó cho phép tôi hôm nay được nói vài suy nghĩ về mối liên hệ thần bí giữa ngôn ngữ và hòa bình, cũng như sức mạnh huyền bí của ngôn từ trong lịch sử nhân loại nói chung.

---

<sup>1</sup> Maximilian Schell (1930): diễn viên, đạo diễn và nhà làm phim người Áo.

Khởi thủy là Lời, trang đầu tiên của một trong những cuốn sách quan trọng nhất mà chúng ta biết nói như thế. Cuốn sách này nói rằng Lời của Chúa là cội nguồn của mọi sự sáng tạo ở trên đời. Nhưng chẳng lẽ điều đó lại không đúng, theo nghĩa bóng, cho mọi hành động của con người? Phải chăng ngôn từ, nguồn gốc cội rễ của chúng ta ngày nay, chính là bản chất của thực thể vũ trụ mà chúng ta gọi là con người? Tinh thần, tâm hồn con người, sự tự nhận thức của chúng ta, khả năng khái quát hóa và tư duy bằng khái niệm, khả năng nhận thức thế giới như một tổng thể (chứ không chỉ như địa phương nơi ta sống), và cuối cùng, khả năng nhận biết rằng chúng ta sẽ chết và tuy biết như thế nhưng vẫn sống: chẳng lẽ tất cả những điều này không phải cũng được dàn xếp hay trực tiếp sáng tạo bởi ngôn từ?

Nếu Lời của Chúa là nguồn gốc của mọi sáng tạo của Chúa, thì một phần sự sáng tạo của Chúa, tức là giống người, tồn tại như nó đang là hiện nay, là nhờ một phép màu khác của Chúa – đấy là phép màu của ngôn từ của con người. Và nếu phép màu này là chìa khóa để hiểu lịch sử của loài người thì nó cũng là chìa khóa để hiểu lịch sử của xã hội, thậm chí có thể nó là chìa khóa để hiểu lịch sử của loài người chính bởi nó là chìa khóa để hiểu lịch sử của xã hội: vì nếu ngôn từ không phải là phương tiện giao thiệp giữa hai hay nhiều cái “Tôi” thì có lẽ ngôn từ sẽ không tồn tại.

Thật ra bằng cách nào đó chúng ta vẫn luôn biết hoặc ít nhất là linh cảm thấy tất cả những điều này; cảm giác

về ý nghĩa và trọng lượng đặc biệt của ngôn từ rõ ràng đã tồn tại trong ý thức của con người từ xa xưa.

Không chỉ như vậy: nhờ phép màu của ngôn từ mà chúng ta biết, có lẽ tốt hơn các động vật khác, rằng chúng ta thật ra biết rất ít, nói cách khác, chúng ta nhận thức được sự tồn tại của huyền bí. Trực diện với điều huyền bí – và đồng thời nhận thức được sức mạnh mang tính tạo dựng của ngôn từ đối với chúng ta – chúng ta không ngừng tìm cách khám phá những điều được huyền bí che giấu và dùng ngôn từ để gây ảnh hưởng đối với chúng. Là những người có đạo, chúng ta cầu Chúa; là những nhà phù thủy, chúng ta tập trung hay xua đuổi các hồn ma, chúng ta dùng ngôn từ để can thiệp vào việc của tự nhiên và việc của con người. Là những người của nền văn minh hiện đại – dù có đạo hay không – chúng ta sử dụng ngôn từ để xây dựng các lí thuyết khoa học và ý thức hệ chính trị, dùng chúng để đương đầu với dòng chảy bí ẩn của lịch sử – có lúc thành công, có lúc không, hay chuyển hướng dòng chảy đó – có lúc thành công, có lúc không.

Nói cách khác, dù nhận thức được hay không, và dù giải thích nó như thế nào, thì cũng rõ ràng là: chúng ta luôn luôn tin – một cách chính đáng, theo một nghĩa nào đó – vào sức mạnh của ngôn từ trong việc thay đổi lịch sử.

Vì sao tôi lại nói là “chính đáng”?

Ngôn ngữ của con người có thực sự đủ sức mạnh để có thể thay đổi thế giới và ảnh hưởng tới lịch sử? Và nếu

khi nào đó ngôn từ đã từng có sức mạnh như thế thì ngày nay liệu nó còn có tác dụng như vậy hay không?

Các bạn sống trong một đất nước có nhiều tự do ngôn luận. Ai cũng có thể sử dụng quyền tự do đó cho bất kì mục đích gì, việc ấy chẳng làm người khác phải để ý, nói gì đến phải tìm hiểu. Vì vậy các bạn có thể có cảm tưởng là tôi đánh giá quá cao tầm quan trọng của ngôn từ đơn giản vì tôi sống trong một đất nước nơi ngôn từ vẫn còn có thể đưa người ta vào tù.

Vâng, tôi sống trong một đất nước nơi mà uy quyền và ảnh hưởng mang tính phóng xạ của ngôn từ được chứng thực bằng những vụ cấm đoán tự do ngôn luận diễn ra hàng ngày. Cách đây không lâu, cả thế giới vừa kỉ niệm hai trăm năm cuộc Cách mạng Pháp<sup>2</sup>, nó làm chúng ta phải nhớ tới bản Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền<sup>3</sup> nổi tiếng, trong đó có tuyên bố rằng mọi công dân đều có quyền sở hữu máy in. Trong những ngày này, nghĩa là

---

<sup>2</sup> Cách mạng Pháp (1789 – 1799): là một sự kiện quan trọng trong lịch sử Pháp, diễn ra từ năm 1789 đến 1799, khi lực lượng dân chủ và cộng hòa đã lật đổ chế độ quân chủ chuyên chế và kết thúc chế độ phong kiến trong xã hội Pháp. Nó được xem như là một bước ngoặt lớn của lịch sử của châu Âu, đánh dấu sự chuyển đổi xóa bỏ quyền lực tuyệt đối để thiết lập quyền công dân và tất cả mọi người dân như là một lực lượng chính trị lớn.

<sup>3</sup> Tuyên ngôn nhân quyền và dân quyền: được ban hành vào ngày 26 tháng 8 năm 1789 của Quốc hội lập hiến Pháp và bước đầu tiên để tạo ra các hiến pháp đầu tiên của Pháp. Bản Tuyên ngôn có ảnh hưởng đáng kể đến nhận thức châu Âu về các quyền công dân.

đúng hai trăm năm sau ngày ra đời của bản tuyên ngôn nói trên, bạn tôi, ông František Stárek<sup>4</sup>, bị án tù hai năm rưỡi vì đã cho ra một tờ tạp chí văn hóa độc lập tên gọi là “Cửa sổ” – không hẳn trên một cái máy in tư nhân mà bằng một cái máy sao chép cộc cạch cổ lỗ sĩ. Trước đó không lâu, một người bạn khác của tôi, ông Ivan Jirous<sup>5</sup>, đã bị kết án mười sáu tháng tù giam vì đã tố cáo trên một bản đánh máy chữ điều mà ai cũng biết: ở đất nước chúng tôi có nhiều án tử hình vô lí và cả ngày nay vẫn có người bị bỏ tù oan và bạo hành đến chết. Một người bạn nữa của tôi, ông Petr Cibulka<sup>6</sup>, bị bỏ tù vì lưu hành những tác phẩm xuất bản chui và những băng ghi âm các ca sĩ và ban nhạc ngoài luồng. Vâng, tất cả đều là sự thật. Tôi thực sự sống trong một đất nước mà đại hội các nhà văn hay những bài phát biểu tại đại hội<sup>7</sup> có thể làm rung chuyển cả hệ thống. Các bạn có thể tưởng tượng được một cái gì tương tự như thế ở Cộng hòa Liên bang Đức hay không? Vâng, tôi sống ở một đất nước mà hai mươi mốt năm trước đã từng bị bài viết của người bạn tôi tên

---

<sup>4</sup> Francis Starek (1952): nhà văn Séc và nhà bất đồng chính kiến, tham gia ký và hoạt động tổ chức, lưu hành Hiến chương 77.

<sup>5</sup> Ivan Martin Jirous (1944 – 2011): nhà thơ, nhà văn, nhà báo và nhà phê bình nghệ thuật người Séc.

<sup>6</sup> Petr Cibulka (1950): nhà báo và nhà hoạt động Séc. Ông là một trong những người đã ký Hiến chương 77.

<sup>7</sup> Đại hội các nhà văn Tiệp Khắc lần thứ 4 tổ chức tháng 6 năm 1967 tại Praha đã bắt đầu phong trào chống đối chính sách của Đảng Cộng sản Tiệp Khắc và các sự kiện tiếp theo trong năm 1968.

là Ludvík Vaculík làm cho rung động. Và dường như để khẳng định kết luận của tôi về sức mạnh của ngôn từ, ông đã đặt tên cho bài viết của mình là “Hai ngàn từ”<sup>8</sup>. Cùng với những sự kiện khác, bài viết này là một trong những lí do cho việc quân đội năm nước xâm chiếm đất nước tôi chỉ trong có một đêm<sup>9</sup>. Và hoàn toàn không phải ngẫu nhiên mà vào giây phút khi tôi viết những dòng này, chế độ hiện tại ở đất nước chúng tôi đang bị rung động bởi một trang giấy với tựa đề “Một vài câu”<sup>10</sup>, dường như đấy cũng là hình ảnh minh họa cho điều tôi đang nói. Vàng, tôi thực sự đang sống trong một hệ thống mà ngôn từ có khả năng làm rung chuyển toàn bộ bộ máy cầm quyền, nơi ngôn từ có thể mạnh hơn cả chục sư đoàn, nơi những câu chữ nói lên sự thật của Solzhenitsyn<sup>11</sup> được coi là nguy hiểm đến nỗi tác giả của chúng bị đẩy lên máy bay

<sup>8</sup>. Ludvík Vaculík – Lời hiệu triệu hai ngàn từ gửi công nhân, nông dân, viên chức, các nhà khoa học, những người hoạt động nghệ thuật và tất cả những người khác – do Phạm Minh Ngọc chuyển ngữ (talawas.blog)

<sup>9</sup>. Cuộc xâm lược Tiệp Khắc theo hiệp định Varsava: cuộc xâm lược Tiệp Khắc bởi quân đội năm nước xã hội chủ nghĩa đứng đầu là Liên bang Xô Viết năm 1968.

<sup>10</sup>. Bản kiến nghị “Một vài câu”: được soạn thảo bởi Phong trào Hiến chương 77 từ năm 1989 tại Tiệp Khắc, bao gồm yêu cầu thả tù nhân chính trị, tự do hội họp, thảo luận và ngôn luận, xóa bỏ kiểm duyệt báo chí và truyền thông.

<sup>11</sup>. Aleksandr Solzhenitsyn Isayevich (1918 – 2008): tiểu thuyết gia, nhà viết kịch và nhà sử học Xô Viết. Các tác phẩm viết về hệ thống trại cải tạo và tù ngục của Liên Xô, trong đó nổi tiếng nhất là tiểu thuyết Quần đảo Gulag, bị cấm in. Ông đoạt giải Nobel Văn học năm 1970.

và đưa ra ngoại quốc. Vâng, nơi tôi đang sống, từ “Đoàn kết”<sup>12</sup> có khả năng làm rung chuyển cả khối quyền lực.

Tất cả những điều đó đều là sự thật. Tất cả đã được viết đến nhiều lần, và người tiền nhiệm quý báu của tôi, ông Lev Kopelev<sup>13</sup>, cũng đã nói về chuyện đó chính tại vị trí này.

Nhưng vấn đề tôi quan tâm có hơi khác một chút. Tôi không định chỉ nói về vai trò cực kì quan trọng của ngôn từ trong chế độ toàn trị. Tôi cũng không định minh họa sức mạnh bí ẩn của ngôn từ bằng cách chỉ ra những quốc gia, nơi một vài từ có thể có giá trị hơn là cả đoàn tàu chở thuốc nổ ở đâu đó.

Tôi muốn nói một cách tổng quát hơn và xem xét những khía cạnh rộng hơn và gây ra nhiều tranh cãi hơn của đề tài này.

Chúng ta sống trong thế giới, nơi có thể xảy ra việc một người công dân Anh quốc trở thành mục tiêu được nhắm đến bởi một mũi tên độc – hoàn toàn công khai và không hề ngượng ngùng – từ một cá nhân đầy quyền lực trong một nước khác chỉ vì anh ta đã viết một cuốn sách nhất định nào đó<sup>14</sup>. Kẻ đầy quyền lực kia nghe nói đã

---

<sup>12</sup>. Công đoàn Đoàn kết Balan: thành lập năm 1980, có tầm quan trọng như một phong trào xã hội góp phần vào sự sụp đổ của chế độ cộng sản ở Balan.

<sup>13</sup>. Lev Zalmanovich Kopelev (1912 – 1997): nhà văn và nhà bất đồng chính kiến Liên Xô.

<sup>14</sup>. Salman Rushdie (1947): nhà văn người Anh gốc Ấn-Hồi giáo. Do cuốn tiểu thuyết Những vần thơ của Satãng (The Sa-

làm như thế nhân danh hàng triệu đồng bào của hẳn ta. Nhưng không chỉ như vậy, có khả năng là trong thế giới này, một số trong hàng triệu người đó, hi vọng rằng đây chỉ là số ít, sẽ đồng tình với bản án tử hình nọ.

Đó là cái gì? Điều đó có nghĩa là gì? Đây có phải chỉ là một làn sóng của chủ nghĩa cuồng tín, đang sống dậy dị thường trong thời đại của những hội nghị Helsinki<sup>15</sup>, và được hồi sinh kì lạ do những hậu quả tiêu cực của sự mở rộng mang tính tàn phá của nền văn minh châu Âu sang những khu vực vốn không thiết tới việc nhập khẩu nền văn minh ngoại quốc, và do việc nhập khẩu mâu thuẫn đó mà lâm cảnh nợ nần không thể nào trả nổi?

Chắc chắn là có tất cả những chuyện đó.

Nhưng còn cái gì hơn thế nữa: Đó là biểu tượng.

Biểu tượng của sự đa nghĩa đầy bí ẩn mà sức mạnh của ngôn từ có được.

Đúng vậy, sức mạnh của ngôn từ là không rõ ràng và không dứt khoát. Đây không chỉ đơn thuần là sức mạnh giải phóng trong ngôn từ của Walesa<sup>16</sup> hay sức mạnh

tanic Verses -1988), Rushdie bị đe dọa tử hình, và vào tháng Hai năm 1989 bị Ayatollah Ruhollah Khomeini, lãnh đạo tối cao của Iran tuyên án tử hình Hồi giáo.

<sup>15</sup>. Hội nghị Helsinki 1973 – 1975: hội nghị về An ninh và Hợp tác ở châu Âu. Mục đích chính của Hội nghị là xóa bỏ Chiến tranh Lạnh và thoả thuận cho hòa bình và ổn định giữa Đông và Tây Âu.

<sup>16</sup>. Lech Wałęsa (1942): nhà chính trị người Ba Lan, nhà đấu tranh cho nhân quyền, lãnh đạo công đoàn Đoàn Kết, tổng thống Cộng hòa Ba Lan trong những năm 1990 – 1995.



mang tính cảnh báo của Sakharov<sup>17</sup>. Nó cũng không chỉ là sức mạnh của tác phẩm rõ ràng là đã bị hiểu sai của Rushdie<sup>18</sup>.

Vì bên cạnh ngôn từ của Rushdie, chúng ta còn có ngôn từ của Khomeini<sup>19</sup>. Bên cạnh những ngôn từ làm cho xã hội phẫn khích bằng tính chân thực và quyền tự do, chúng ta còn có ngôn từ mê mị lòng người, ngôn từ lừa dối, khích động, gây phẫn nộ, đánh lạc hướng, nham hiểm, thậm chí gây ra chết chóc. Ngôn từ như một mũi tên.

Tôi nghĩ là không cần phải giải thích dài dòng cho các bạn về ma lực của một số ngôn từ, bởi các bạn đã trực tiếp trải nghiệm cách đây không lâu những thảm họa lịch sử kinh hoàng khôn tả đến thế nào có thể xảy ra dưới hoàn cảnh xã hội và chính trị nhất định, từ những lời lẽ mê hoặc, đồng thời hoàn toàn điên rồ, của một nhân vật tỉnh lẻ trung bình<sup>20</sup>. Mặc dù tôi không hiểu bằng cách nào kẻ đó có thể làm cho nhiều người trong số cha mẹ các bạn bị mê hoặc, nhưng đồng thời tôi cũng nhận thức được rằng nó phải là một cái gì đó hết sức thuyết phục và vô cùng xảo quyệt thì mới có thể huyễn hoặc được, dù

---

17. Andrej Dmitrijevič Sacharov (1921 – 1989): nhà vật lý hàng đầu của Liên Xô, người bất đồng chính kiến và bảo vệ nhân quyền, nhận giải Nobel Hòa bình năm 1975, nhà lãnh đạo tinh thần để thay đổi Nga thành đất nước dân chủ.

18. Xem chú thích <sup>14</sup>

19. Xem chú thích <sup>14</sup>

20. Adolf Hitler (1889 – 1945)

chỉ trong phút chốc, một thiên tài vĩ đại – người đã đưa ra ý nghĩa hiện đại và sâu sắc của những từ như “Sein”, “DaSein”, và “Existenz”<sup>21</sup>.

Tôi muốn nói: ngôn từ là hiện tượng bí ẩn, mơ hồ, nước đôi và xảo trá. Ngôn từ có thể là luồng ánh sáng trong vương quốc của bóng tối, như Belinsky<sup>22</sup> từng mô tả vở kịch Bão tố của Ostrovsky<sup>23</sup>, nhưng cũng có thể là mũi tên giết người. Tệ nhất là chúng có thể lúc là cái này và lúc lại là cái kia, thậm chí chúng có thể là cả hai cùng một lúc!

Ngôn từ của Lenin thật ra như thế nào? Giải phóng hay ngược lại, lừa dối, nguy hiểm và sau cùng là nô dịch? Điều đó cho đến nay vẫn tạo ra những tranh cãi nảy lửa giữa những người quan tâm đến lịch sử của chủ nghĩa cộng sản và có lẽ họ sẽ còn tranh luận trong thời gian dài nữa. Điều chủ yếu cá nhân tôi nhận thấy ở những lời lẽ đó là chúng luôn đầy giận dữ.

---

<sup>21</sup>. Martin Heidegger (1889 – 1976) : nhà triết học Đức, một trong những triết gia có ảnh hưởng nhất của thế kỷ 20, nhưng cũng là người bị chỉ trích về lập trường của mình về chủ nghĩa phát xít. Người đưa ra học thuyết Bản thể luận về tồn tại con người, về cấu trúc của tồn tại con người, định nghĩa các khái niệm «Sein», «Dasein», «Existenz»: tồn tại người, hiện hữu, tồn tại.

<sup>22</sup>. Vissarion Grigoryevich Belinsky (1811 – 1848) : nhà phê bình văn học, nhà báo, nhà triết học hiện thực dân chủ cách mạng, có ảnh hưởng lớn trong lãnh vực báo chí dân chủ cách mạng trong và ngoài nước Nga.

<sup>23</sup>. Vở kịch Bão tố của nhà viết kịch Nga Aleksandr Nikolayevich Ostrovsky (1823 – 1886) là một tác phẩm phê bình xã hội, đặc biệt đối với tầng lớp thương gia Nga.

Còn ngôn ngữ của Marx thì sao? Liệu chúng có chiếu rọi ánh sáng vào cả một mặt bằng bị che giấu của cơ chế xã hội hay chúng chỉ là phôi thai của những Gulag<sup>24</sup> khủng khiếp sau này? Tôi không biết: có nhiều khả năng chúng đồng thời là cả hai.

Và ngôn từ của Freud<sup>25</sup>? Liệu chúng có mở ra vũ trụ bí ẩn của tâm hồn con người hay chúng chỉ là nguồn gốc của ảo tưởng rằng có thể loại bỏ những đau khổ và sai lầm của con người bằng cách tạm gác gánh nặng ấy vào lời giải thích của một chuyên gia được trả lương cao, một ảo tưởng mà nay đang làm mê hoặc cả một nửa nước Mĩ?

Nhưng tôi thậm chí còn đi xa hơn và hỏi một câu còn có tính khiêu khích hơn: Bản chất thật sự của những lời nói của Chúa Giêsu là gì? Chúng có phải là khởi đầu của kỉ nguyên cứu rỗi và là một trong số những xung lực văn hóa mạnh mẽ nhất trong lịch sử thế giới hay chúng là cội nguồn tinh thần của những cuộc Thập tự chinh, Tòa dị giáo, sự hủy diệt nền văn hóa của người da đỏ Mĩ, và sau đó là sự bành trướng đầy mâu thuẫn của giống da trắng, cái đã mang đến biết bao thảm kịch kể cả việc dẫn đến hậu quả là ngày nay đa phần nhân loại bị đẩy xuống

---

<sup>24</sup>. Gulag: từ 'Quần đảo Gulag' – tên một tác phẩm nổi tiếng của Aleksandr Solzenicyn viết theo kinh nghiệm của bản thân tác giả về các trại cải tạo ở Nga, từ sau cách mạng tháng Mười 1918 đến khi Stalin mất năm 1956, dành cho tù chính trị và tù hình sự đặc biệt.

<sup>25</sup>. Sigmund Freud (1856 – 1939): bác sĩ về thần kinh và tâm lý người Áo. Ông được công nhận là người đặt nền móng và phát triển lĩnh vực nghiên cứu về phân tâm học.

hàng khốn khổ dưới tên gọi là “Thế giới thứ ba”? Tôi vẫn có xu hướng nghĩ rằng lời của Ngài là cái thứ nhất, nhưng đồng thời, tôi không thể bỏ qua hàng núi sách vở chứng tỏ rằng ngay trong dạng ban đầu tinh khiết nhất, một điều nào đó vô tình đã được mã khóa vào Thiên chúa giáo và với sự kết hợp của hàng ngàn hoàn cảnh khác, trong đó có bản chất tương đối cố định của con người, có thể tạo ra không gian tinh thần cho cả những thảm họa mà tôi vừa nhắc.

Ngôn từ cũng có lịch sử của nó.

Thí dụ, có thời kì mà đối với cả mấy thế hệ những người bị chà đạp và áp bức, từ “chủ nghĩa xã hội” có sức hút đồng nghĩa với một thế giới công bằng, có thời kì mà vì những lí tưởng được thể hiện trong mấy từ đó, người ta sẵn sàng hi sinh những năm tháng thậm chí chính cuộc đời mình. Tôi không biết ở đất nước các bạn thế nào, nhưng ở nước tôi, từ “chủ nghĩa xã hội” đó từ lâu đã bị biến thành chiếc dùi cui tương đối quen thuộc để cho những quan chức vô liêm sỉ, giàu có đập từ sáng tới tối lên lưng những người đồng bào có tư tưởng tự do, dán cho họ cái nhãn là “kẻ thù của chủ nghĩa xã hội” và “những lực lượng chống chủ nghĩa xã hội”. Trên thực tế: ở đất nước tôi hiện nay, từ này đã từ lâu chỉ còn là một câu thần chú đáng nguyên rủa tốt nhất nên tránh xa, nếu ta không muốn trở thành một kẻ đáng nghi ngờ. Cách đây không lâu tôi có tham dự một cuộc biểu tình tự phát, không do bất cứ kẻ bất đồng chính kiến nào tổ chức, nhằm phản đối việc bán tháo một trong những khu đẹp

nhất ở Praha cho một triệu phú người Úc. Khi một diễn giả lên tiếng phản đối đề án này và nhấn mạnh lời kêu gọi chính phủ mạnh mẽ của mình bằng cách tuyên bố rằng ông đã chiến đấu vì tổ quốc nhân danh chủ nghĩa xã hội, đám đông cười ồ lên. Họ cười không phải vì họ phản đối một chế độ xã hội công bằng mà đơn giản là vì họ nghe thấy cái từ mà bao lâu nay và trong mọi hoàn cảnh có thể cũng như không có thể, họ vẫn dùng đểnguyên rủa cái chế độ chỉ biết thao túng và lăng mạ dân chúng.

Ngôn từ có thể có số phận rất trở trêu! Có những thời khắc của lịch sử, những con người có đầu óc tự do và dũng cảm bị đẩy vào ngục tù vì rằng một từ nào đó có ý nghĩa đối với họ, nhưng ở thời điểm khác, chính những người đó lại có thể bị bỏ tù vì cái từ kia đã chẳng còn ý nghĩa gì với họ nữa, vì nó đã chuyển từ biểu tượng của một thế giới tốt đẹp hơn thành câu niệm chú của những tên độc tài ngu dốt.

Không có từ nào – ít nhất là theo nghĩa ẩn dụ mà tôi dùng từ “từ” ở đây – chỉ có nghĩa như từ điển từ nguyên gán cho nó. Mỗi từ lại phản ánh người nói ra từ đó, hoàn cảnh và lí do mà nó được nói. Cùng một từ, có thời điểm là tia hi vọng lớn lao, nhưng lúc khác, nó lại phát những tia chớp của sự chết chóc. Một từ có thể nói sự thật vào thời khắc này, nhưng lại dối trá vào thời khắc ngay sau đó, lúc này nó là ánh sáng khai minh, khi khác nó lại là những lời bịp bợm. Trong trường hợp này nó có thể mở ra những viễn cảnh tuyệt đẹp, nhưng trong trường hợp khác nó lại có thể đặt đường ray dẫn tới quần đảo của các

trại tập trung. Cùng một từ mà lúc này thì là hòn đá tảng của hoà bình, trong khi lúc khác lại có thể trở thành loạt đạn súng máy với tiếng nổ rền vang trong từng con chữ.

Gorbachev<sup>26</sup> muốn duy trì chủ nghĩa xã hội bằng nền kinh tế thị trường và tự do ngôn luận, trong khi Lí Bằng<sup>27</sup> bảo vệ chủ nghĩa xã hội bằng cách tàn sát sinh viên, và Ceausescu<sup>28</sup> thì bằng cách hăm dọa dân tộc của ông ta. Từ này thật sự có nghĩa là gì trên môi của một người và trên môi hai người kia? Điều bí ẩn nào đã được bảo vệ bằng những biện pháp khác nhau một trời một vực như thế?

Tôi đã nhắc tới cuộc Cách mạng Pháp và bản Tuyên ngôn tuyệt vời đi kèm với nó. Bản tuyên ngôn này được một quý ông kí, ông ta sau đó trở thành một trong những người đầu tiên bị hành quyết nhân danh bản văn bản đầy nhân tính cao cả đó<sup>29</sup>. Hàng trăm mà có thể hàng ngàn

26. Mikhail Sergejevich Gorbachev (1931): tổng Bí thư Trung ương Đảng Cộng sản Liên xô từ năm 1985 tới 1991. Những nỗ lực thực hiện cải cách của ông giúp chấm dứt Chiến tranh Lạnh, nhưng cũng góp phần kết thúc quyền uy tối cao của Đảng Cộng sản Liên xô và giải thể Liên bang Xô Viết. Ông đã được trao Giải Nobel Hoà bình năm 1990.

27. Lí Bằng (1987 – 1998): chính trị gia Trung quốc, thủ tướng từ năm 1987-1998, người ban lệnh đàn áp biểu tình ở quảng trường Thiên An môn năm 1989.

28. Nicolae Ceaușescu (1918 – 1989): tổng Thư ký Đảng Lao động Romania, sau này là Đảng Cộng sản Romania từ năm 1965 đến năm 1989, Chủ tịch Hội đồng Nhà nước từ năm 1967 và Chủ tịch Romania từ năm 1974 đến năm 1989. Chế độ cầm quyền của Ceaușescu có đặc trưng ở sự tăng tộ sùng bái cá nhân, chủ nghĩa quốc gia cực đoan.

29. Vua Louis XVI (1754 – 1793): vị vua duy nhất trong lịch sử

người đã nổi tiếp ông. Tự do, Bình đẳng, Bác ái – những ngôn từ tuyệt diệu làm sao! Và ý nghĩa của chúng mới khủng khiếp làm sao. Tự do trong chiếc áo sơ mi không cài cúc trước giờ lên đoạn đầu đài. Bình đẳng trong tốc độ rơi của chiếc máy chém xuống những cái cổ khác nhau. Bác ái trong thiên đường khả nghi được cai trị bởi Đảng chí tôn<sup>30</sup>!

Ngày nay, từ “cải tổ” đầy hứa hẹn đang được nói đến ở mọi nơi. Tất cả chúng ta đều tin rằng nó nuôi dưỡng niềm hi vọng cho châu Âu và cho toàn thế giới.

Nhưng tôi buộc phải thú nhận rằng đôi khi tôi chột rùng mình, mong từ này không lại trở thành một câu thần chú khác, hay kết cục không biến thành một chiếc dùi cui nữa để cho một kẻ nào đó đập lên lưng chúng ta. Tôi không chỉ nghĩ về đất nước tôi: khi những người cầm quyền nói từ đó, nó có nghĩa tương tự như mấy từ “quốc vương của chúng tôi” trong cửa miệng anh lính Svej<sup>31</sup> tốt

---

nước Pháp đã bị hành quyết, vào năm 1793, bởi chế độ Cộng hòa dưới thời Cách mạng Pháp.

<sup>30</sup>. Napoléon Bonaparte (1769 – 1821): thống lĩnh quân đội trong thời kỳ Cách mạng Pháp. Năm 1799 Napoléon tổ chức đảo chính, lập nên chế độ tổng tài. Sự kiện Napoléon xưng Hoàng đế vào năm 1804 đã đặt dấu chấm hết cho giai đoạn Cộng hòa, thành quả tiêu biểu của Cách mạng Pháp.

<sup>31</sup>. Josef Svej<sup>k</sup>: nhân vật chính trong bộ sách của Jaroslav Hasek viết trong những năm 1920 về khoảng thời gian trước chiến tranh thế giới thứ nhất. Svej<sup>k</sup> tượng trưng cho một tính cách dân dã, lười lính, mà dám làm, nhờ đó nhân vật chính bằng nhiều kiểu ngô nghê, đã vượt qua hàng loạt những tình huống hiểm nguy căng thẳng khác nhau, để sống sót bằng mọi giá, và được coi là tiêu biểu cho tính cách Tiệp.

bụng vậy. Không, tôi đang nghĩ tới việc con người dửng dưng đang ngồi trong Điện Kremlin kia, đôi khi, và có lẽ là do tuyệt vọng, cũng buộc cho những người công nhân đình công, những dân tộc nổi dậy, dân tộc thiểu số, hay những thiểu số có quan điểm quá khác thường, cái tội “đe dọa cái tổ”. Tôi thông cảm với ông ta. Nhiệm vụ to lớn mà ông gánh vác quả là một công việc cực kì khó khăn. Nó được treo trên một sợi chỉ mỏng manh và hầu như bất cứ cái gì cũng có thể làm cho nó đứt bất cứ lúc nào và khi đó tất cả chúng ta sẽ rơi vào vực thẳm. Mặc dù vậy, tôi vẫn tự hỏi là liệu cái “tư duy mới” này có chứa đựng những tàn dư đáng lo ngại của những tư tưởng xưa cũ? Có trong đó tiếng vọng của tư duy rập khuôn và những nghi thức bằng lời của chế độ trước hay không? Từ “cái tổ” có đôi khi bắt đầu tương đồng với từ “chủ nghĩa xã hội”, nhất là khi nó có lúc được kín đáo ném vào đầu chính những người đã từng bị hành hạ một cách bất công bởi từ “chủ nghĩa xã hội”?

Đất nước của các bạn đã có đóng góp to lớn vào lịch sử châu Âu hiện đại. Tôi muốn nói tới làn sóng giải trừ căng thẳng đầu tiên: Chính sách bình thường hóa nổi tiếng<sup>32</sup>.

Nhưng ngay cả từ đó đôi khi cũng có tính nước đôi. Dĩ nhiên nó là tia sáng đầu tiên của niềm hi vọng về một châu Âu không còn chiến tranh lạnh hay bức màn sắt. Nhưng đồng thời, thật đáng buồn thay – có những

---

<sup>32</sup>. Chính sách bình thường hóa: những cố gắng đầu tiên bằng con đường đàm phán nhằm bình thường hóa quan hệ giữa Tây và Đông Đức xuất hiện từ năm 1969.



trường hợp, nó cũng đồng nghĩa với sự từ bỏ tự do, và bằng cách đó từ bỏ điều kiện tiên quyết của một nền hòa bình thật sự. Tôi còn nhớ rất rõ là trong những năm đầu 1970 một số đồng nghiệp và bạn bè người Tây Đức của tôi đã tìm cách tránh tôi vì sợ rằng liên hệ với tôi – một người không được chính phủ của mình ưa chuộng – thì có thể chọc giận chính phủ một cách vô ích và như vậy có thể đe dọa nền tảng mong manh của quá trình bình thường hóa còn trong thời kì trứng nước. Dĩ nhiên tôi không nhắc đến chuyện này vì bản thân mình và chắc chắn cũng không phải để tự thán. Nói cho cùng, khi đó tôi cảm thấy đúng hơn là tiếc cho họ, bởi vì không phải tôi mà chính họ mới là những người đã tự nguyện phủ nhận quyền tự do của mình. Tôi nhắc đến điều này chỉ để một lần nữa giải thích, từ một góc nhìn khác, rằng người ta dễ dàng phản bội mục đích cao cả của những việc làm với ý định tốt đẹp của mình như thế nào – nhờ những từ ngữ mà ý nghĩa của chúng rõ ràng không được bảo vệ một cách thấu đáo. Những việc như thế rất dễ xảy ra mà ta hầu như không để ý: nó xảy ra một cách kín đáo, âm thầm, lén lút – và cuối cùng, khi nhận ra thì ta chỉ còn một lựa chọn: sự ngạc nhiên muộn màng.

Nhưng đó chính là hình thức hiểm độc mà ngôn từ có thể phản chúng ta nếu chúng ta không luôn thận trọng khi sử dụng chúng. Và đáng tiếc là thường xuyên chỉ một khoảnh khắc thiếu cẩn trọng cũng có thể dẫn đến những hậu quả bi thảm không cứu vãn được, những hậu quả vượt ra ngoài thế giới phi vật chất của ngôn từ và xâm nhập sâu rộng vào thế giới hoàn toàn mang tính vật chất.

Cuối cùng, tôi xin nói về một từ đẹp đẽ, đấy là từ “hòa bình”.

Suốt bốn mươi năm qua tôi thường đọc thấy từ này viết trên mặt tiền các tòa nhà và cửa sổ các cửa hàng ở đất nước tôi. Suốt bốn mươi năm qua, tôi, cũng như mọi công dân trên đất nước tôi đã bị dị ứng với cái từ đẹp đẽ đó, vì tôi biết cái từ ấy có nghĩa là gì trong suốt bốn mươi năm ấy: đó là những đội quân ngày càng đồ sộ hơn dưới danh nghĩa bảo vệ hòa bình.

Bất chấp quá trình tước đoạt có hệ thống ý nghĩa của từ “hòa bình” trong thời gian dài – tệ hơn nữa, lại gán cho nó nghĩa trái ngược hẳn với nghĩa trong từ điển – một nhóm những Don Quixotes trong phong trào Hiến chương 77<sup>33</sup> và một số đồng nghiệp trẻ tuổi của họ trong Hiệp hội Hòa bình Độc lập<sup>34</sup> đã đấu tranh phục hồi lại từ này và trả lại ý nghĩa ban đầu cho nó. Vì công cuộc “cải tổ ngữ nghĩa” đó, nghĩa là đặt từ “hòa bình” trở lại trên đôi chân của nó, đương nhiên họ đã phải trả giá: hầu như tất cả những người lãnh đạo trẻ của Hiệp hội Hòa bình Độc lập đều phải chịu mấy tháng tù giam. Tuy nhiên họ đã

---

<sup>33</sup> Hiến chương 77: phong trào đấu tranh phi hình thức xuất hiện từ đầu năm 1977, nhằm đấu tranh đòi chính quyền tôn trọng quyền con người được ghi nhận trong Hiến pháp 1960 và trong các hiệp ước và công ước đã được Tiệp Khắc ký kết, bao gồm các quyền về chính trị, dân sự, kinh tế và văn hóa.

<sup>34</sup> Hiệp hội Hòa bình Độc lập: thành lập tháng tư năm 1988 kêu gọi giảm trừ quân bị cho xã hội, công khai hoạt động của mình ngày 21/8/1988 dịp kỷ niệm 20 năm ngày Tiệp Khắc bị quân đội các nước thuộc khối Vacsava chiếm đóng.

không làm một việc vô nghĩa: một từ quan trọng đã được cứu vãn khỏi sự mất giá trị hoàn toàn của nó. Và như tôi đang cố gắng giải thích ở đây, đó không chỉ là vấn đề cứu vớt một từ. Một cái gì đó quan trọng hơn rất nhiều đã được cứu vớt.

Bởi tất cả những sự kiện quan trọng trong thế giới hiện thực, dù đẹp đẽ hay quái gở – bao giờ cũng bắt đầu trong vương quốc của ngôn từ.

Như tôi đã nói, mục đích của tôi hôm nay không phải là chuyển đến cho các bạn trải nghiệm của một người biết rằng từ ngữ vẫn còn có giá trị, khi mà bạn có thể bị bỏ tù vì chúng. Mục đích của tôi là kể cho các bạn nghe một bài học mà chúng tôi, những người sống trong góc nhỏ này của thế giới, đã học được về vai trò quan trọng của ngôn từ, một bài học mà tôi tin là có giá trị phổ quát: cụ thể là, phải luôn luôn thận trọng với ngôn từ và cảnh giác với chúng, và rằng trong lĩnh vực này, thận trọng không bao giờ thừa.

Chắc chắn rằng hoài nghi ngôn từ không có hại bằng tin cậy ngôn từ một cách thái quá.

Ngoài ra, thận trọng với ngôn từ và chỉ ra những hiểm nguy kín đáo ngủ yên trong ngôn từ – nói cho cùng phải chẳng chính là thiên chức của người trí thức? Tôi nhớ đến ông André Glucksmann<sup>35</sup>, người bạn đồng nghiệp

---

<sup>35</sup>. Andre Glucksmann (1937): triết gia và chính trị gia người Pháp, người có ảnh hưởng mạnh đến triết học chính trị cánh hữu của thế kỷ 20. Năm 1968 ông đứng trong hàng ngũ của phái cực tả, có ý định lật đổ nhà nước theo phái vô chính phủ

thân mến vừa đứng trước tôi ở đây hôm nay, có lần đã nói ở Praha rằng các nhà trí thức phải như Cassandra<sup>36</sup>: có nhiệm vụ theo dõi chăm chú những phát ngôn của những người cầm quyền, cảnh giác với chúng, cảnh báo trước những mối nguy hiểm của chúng và chỉ ra những nguy ý xấu mà chúng có thể gọi lên hoặc mang đến.

Chúng ta hãy để ý một việc: qua nhiều thế kỉ, chúng ta – người Đức và người Séc – đã gặp đủ loại khó khăn trong cuộc sống chung ở Trung Âu. Tôi không thể nói thay các bạn, nhưng tôi nghĩ là tôi có thể thay mặt người Séc mà nói một cách có trách nhiệm rằng, về phía người Séc, những hằn thù dân tộc, thiên kiến, và giận hờn xưa cũ, được nuôi dưỡng bằng nhiều cách khác nhau suốt hàng thế kỉ, đã tan biến dần trong vài chục năm qua. Và không phải ngẫu nhiên mà điều đó đã xảy ra khi chúng tôi bị tròng vào cái ách của chế độ toàn trị. Chế độ này đã gieo vào lòng chúng tôi sự ngờ vực sâu sắc đối với mọi sự khái quát hóa, mọi lời nói có tính ý thức hệ khuôn sáo, mọi giáo điều, mọi khẩu hiệu, mọi khuôn mẫu tư tưởng và mọi sự kích động nhắm vào những thang bậc tình cảm khác nhau, từ thấp nhất đến cao nhất của chúng tôi, nhờ đó đa số chúng tôi đã có sức để kháng mạnh mẽ trước mọi cám dỗ ngay cả khi nó có sức mê hoặc mà những lời

---

và Maoism. Từ những năm 70 ngã dần sang bên cánh hữu và bắt đầu phê phán chế độ độc tài toàn trị, phản đối chế độ cộng sản tại các nước Trung Âu và quan tâm đến các phong trào chống đối chính quyền ở khắp nơi trên thế giới.

<sup>36</sup>. Cassandra: theo thần thoại Hy Lạp là người có khả năng nhìn thấy những hiểm họa sẽ xảy ra trong tương lai.

kêu gọi dân tộc và dân tộc chủ nghĩa vẫn thường có. Cái quan tài ngọt ngào của những ngôn từ trống rỗng từng bóp nghẹt chúng tôi trong một thời gian dài như thể đã gieo vào lòng chúng tôi mỗi nghi ngờ sâu sắc trước thế giới của những ngôn từ lừa bịp đến mức, bây giờ chúng tôi có thể nhìn thấy thế giới của con người đúng như thực trạng: đây là một cộng đồng phức tạp của hàng ngàn và hàng triệu con người riêng biệt, độc đáo, với bên cạnh hàng trăm đức tính tốt đẹp là hàng trăm khiếm khuyết và những xu hướng tiêu cực, mà không bao giờ có thể dùng chiếc bàn là của những lời nói trống rỗng hay ngôn từ biến chất để là phẳng cộng đồng đó thành một khối đồng nhất - ví dụ như “giai cấp”, “dân tộc” hay “lực lượng chính trị” – để rồi tán dương hay lên án, yêu thương hay căm thù, phỉ báng hay ca ngợi như một tổng thể.

Đây chỉ là một thí dụ nhỏ vì sao cần thận trọng với ngôn từ. Tôi chọn thí dụ này cho phù hợp với hoàn cảnh, tức là cho thời khắc khi mà một người Séc có vinh dự được nói chuyện với cử tọa đa số là người Đức.

Khởi đầu của mọi việc đều là lời.

Đây là điều kỳ diệu mà chúng ta được hưởng bởi chúng ta là những con người.

Nhưng đồng thời đây cũng là cạm bẫy và thử thách, thủ đoạn đánh lừa và bài sát hạch.

Ý nghĩa của nó có lẽ lớn hơn so với trong ý nghĩ của các bạn, những người được hưởng nhiều quyền tự do ngôn luận, tức là trong môi trường mà ngôn từ có vẻ không quá quan trọng đến thế.

Nhưng ngôn từ là quan trọng.

Ở đâu cũng quan trọng.

Một từ lúc này có thể là khiêm nhường, nhưng lúc khác lại là cao ngạo. Và một từ khiêm nhường có thể dễ dàng và kín đáo chuyển hóa thành cao ngạo, trong khi chuyển một từ cao ngạo thành khiêm nhường là một quá trình phức tạp và khó khăn. Tôi đã thử chứng tỏ điều đó bằng cách viện dẫn số phận của từ “hòa bình” tại đất nước chúng tôi.

Gần đến điểm cuối của thiên niên kỉ thứ hai, thế giới, nhất là châu Âu, đang đứng ở ngã tư đường đặc biệt: một thời gian rất lâu mới có từng đó lý do để hi vọng rằng mọi việc rồi sẽ kết thúc tốt đẹp, và đồng thời cũng chưa bao giờ có nhiều lí do đến thế để lo sợ rằng nếu mọi sự xấu đi thì một thảm họa có tính kết cục là không tránh khỏi.

Sẽ không khó để chứng minh rằng những mối đe dọa chính mà thế giới ngày nay đang trực diện, từ chiến tranh hạt nhân, thảm họa sinh thái đến thảm họa văn minh xã hội (ý tôi muốn nói đến vực thẳm ngày càng sâu giữa người giàu và người nghèo, nước giàu và nước nghèo), đều đang che dấu trong lòng chúng một nguyên nhân cốt lõi: sự chuyển hóa một cách kín đáo thông điệp vốn dĩ khiêm nhường thành thông điệp cao ngạo.

Con người bắt đầu tin tưởng một cách cao ngạo rằng anh ta là tuyệt đỉnh và là chúa tể của tạo hóa, anh ta đã hiểu rõ tự nhiên và có thể làm với nó tất cả những gì anh ta muốn.

Con người bắt đầu suy nghĩ một cách cao ngạo rằng nhờ có lí trí, con người có khả năng hiểu được toàn bộ lịch sử của chính mình và tạo dựng cuộc sống hạnh phúc cho tất cả mọi người, và thậm chí điều đó đã cho phép con người quyền quét sạch những kẻ không ưa kế hoạch của anh ta ra khỏi đường đi của mình – nhân danh một tương lai tốt đẹp hơn cho tất cả mọi người – cái tương lai mà anh ta có chiếc chìa khóa duy nhất đúng.

Con người bắt đầu suy nghĩ một cách cao ngạo rằng khi anh ta có thể chia tách được hạt nhân nguyên tử, anh ta hoàn hảo đến mức cuộc chạy đua vũ trang hạt nhân sẽ chẳng là hiểm họa đối với anh ta, nói chi đến chiến tranh hạt nhân.

Con người đã mắc sai lầm chí tử trong tất cả những trường hợp này. Thật là tội tề. Nhưng trong tất cả mọi trường hợp, con người đều đã bắt đầu nhận ra sai lầm. Và như thế là tốt.

Sau khi nhận được mọi bài học, tất cả chúng ta cần phải cùng chiến đấu chống lại những từ ngữ cao ngạo và thận trọng trước con vi trùng xảo quyệt của thói cao ngạo đội lốt dưới ngôn từ tưởng như khiêm nhường.

Rõ ràng đây không phải chỉ là nhiệm vụ của ngôn ngữ học. Kêu gọi trách nhiệm với ngôn từ và trách nhiệm trước ngôn từ là nhiệm vụ cơ bản mang tính đạo đức.

Nhưng nhiệm vụ như vậy đương nhiên nằm ngoài chân trời của thế giới mà chúng ta có thể nhìn thấy được, nó nằm ở tận nơi nào đó ngự trị bởi Chúa Lời, cái đã là

sự khởi đầu của tất cả và cái không phải là ngôn từ của con người.

Tôi sẽ không giải thích tại sao lại như thế. Bởi tôi không thể giải thích điều đó một cách tuyệt diệu như Immanuel Kant<sup>37</sup> – bậc tiền bối của các bạn – đã từng làm.

Xin cảm ơn sự chú ý của các bạn.

---

<sup>37</sup>. Immanuel Kant (1724 – 1804): với Học thuyết đạo đức được xem là triết gia quan trọng nhất của nước Đức, và là một trong những triết gia lớn nhất của thời kỳ cận đại.m